TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2019/QĐST-DS	*Lai Vung, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 243/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) S; Trụ sở chính: Số 266 - 268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt D, Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Lai Vung; (Theo văn bản ủy quyền số 595/GUQ-CNĐT ngày 28/12/2018).

Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 13/LP, Long P, xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Lê Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: 246/TM1, ấp Thới M, xã Vĩnh T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay vốn gốc là 61.675.000 đồng, tiền lãi tạm tính

đến ngày 10/11/2019 là 36.650.000 đồng, tổng vốn và lãi là 98.325.000 đồng.

Bà N đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP S Tín số tiền nợ vay vốn gốc là 61.675.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/11/2019 là 34.725.000 đồng, tổng vốn và lãi là 98.325.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP S mà bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thì hàng tháng bà N còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

- Về án phí và tạm ứng án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.458.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn).

+ Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.410.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001837 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Hiếu

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09a:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2012/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2012/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, địa vị pháp lý trong vụ án, địa chỉ của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao).

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).